

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 9 - 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Hằng và bà Quán Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn La, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Ch, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Ch, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 01/02/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh chị đã nhiều lần cùng nhau dàn xếp nhưng tình cảm không được cải thiện, anh chị sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Nguyễn Châu A, sinh ngày 15/10/2011 và Nguyễn Trần Thảo Nh, sinh ngày 31/3/2014, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị D trình bày về thời điểm kết hôn. Theo anh quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, tháng 4/2019 chị D bỏ về gia đình chị ở, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, anh xác định tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn chị D.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh thừa nhận và thống nhất với quan điểm của chị D. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D, cho chị D được ly hôn anh L, giao 02 con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L; anh L có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Văn L tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh L có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, từ tháng 04/2019 anh chị sống ly thân nhau. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị D kiên quyết xin ly hôn; quá trình làm việc địa phương cung cấp nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do anh L thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, chính quyền địa phương đã nhiều lần gặp gỡ động viên nhưng anh L không thay đổi. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị D và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D ly hôn anh L là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh L xác định vợ chồng có 02 con chung và đề nghị Tòa án giải quyết để chị D tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại

phiên tòa: Anh L vắng mặt nhưng chị D vẫn giữ nguyên quan điểm về giao nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần được chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Giao cho chị Trần Thị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Châu A, sinh ngày 15/10/2011 và cháu Nguyễn Trần Thảo Nh, sinh ngày 31/3/2014. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Chị Trần Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0001176, ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã B, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu